TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2026/DS - ST
Ngày: 11 - 5 - 2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết Nga

Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 99/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của V1:

Ông Ngô Chí D là người đại diện theo pháp luật của V1 (Tổng giám đốc)

Ông Vương Lê Vĩnh N, (vắng mặt) và ông Đặng Minh T (xin vắng mặt): là người đại diện theo uỷ quyền của V1 (Theo văn bản ủy quyền số 8710/2025/UQN-PLTH2 ngày 08/9/2025)

2. Công ty cổ phần M (Nay đổi tên Công ty cổ phần J, đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 05/5/2026).

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần M:

Ông Hoàng Anh T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần M – Chức danh: Tổng giám đốc

Ông Vương Lê Vĩnh N (vắng mặt); Ông Đặng Minh T (vắng mặt) và ông Nguyễn Thanh L (xin vắng mặt): là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần M (Theo văn bản ủy quyền số 49412/2025/UQN-XLN-JUPITERMN ngày 11/12/2025)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B tổ A khóm P, phường P, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F N, khóm C, phường C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2025, đơn khởi kiện sửa đổi ngày 29/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai, bản kê tính lãi, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn thống nhất trình bày:

V1 và chị Trần Thị Thanh T2 có ký Hợp đồng cho vay số LN2207086180144 ngày 12/08/2022. Số tiền vay 529.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích vay: Vay mua xe; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay vào thời điểm giải ngân là 9,7%/năm. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Phương thức trả nợ: Trả theo định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng (Mỗi kỳ trả 6.298.000đ, kỳ cuối cùng trả hết nợ vay còn lại)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do bà Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1469435474, có hiệu lực ngày 19/08/2022 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị T2 có thanh toán cho V1 tổng cộng gốc và lãi là 105.374.324đ (trong đó gốc 63.495.631đ, tiền lãi là 41.878.693đ), thì không thanh toán bất kỳ số tiền nào khác, mặc dù phía Ngân hàng nhiều lần yêu cầu chị T2 trả nợ. Đến ngày 16/10/2023 V1 chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn.

Ngày 30/6/2024 V1 bán 90% số nợ gốc và lãi của chị T2 cho Công ty cổ phần M, theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ

lục đính kèm giữa V1 với Công ty cổ phần M thì V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M các khoản nợ của khách hàng vay là chị Trần Thị Thanh T2, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay mà chị Trần Thị Thanh T2 đã ký kết với V1.

Tính đến ngày 11/5/2026 chị T2 còn nợ tổng cộng số tiền gốc và lãi là 744.289.117đ (trong đó nợ gốc 465.504.369đ, nợ lãi 278.784.748đ). Theo tỷ lệ phân chia công nợ giữa JUPITER AMC JSC và V1 yêu cầu như sau:

Công ty cổ phần M yêu cầu chị Trần Thị Thanh T2 trả cho Công ty cổ phần M số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 669.860.205đ (Nợ gốc: 418.953.932đ. Nợ lãi: 250.906.273đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/5/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ.

V1 yêu cầu chị Trần Thị Thanh T2 thanh toán cho V1 số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 74.428.912đ (Nợ gốc: 46.550.437đ. Nợ lãi: 27.878.475đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/5/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ.

Trường hợp chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty cổ phần M và V1 yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ, Công ty cổ phần M và/hoặc V1 có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản khác của chị T2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

-Bị đơn chị Trần Thị Thanh T2 trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 31/3/2026 như sau:

Chị T2 thừa nhận có ký Hợp đồng cho vay số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 với V1 để vay số tiền 529.000.000đ và Hợp đồng thế chấp số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 như trình bày của nguyên đơn là đúng.

Chị và anh Nguyễn Minh K là vợ chồng hợp pháp, hiện tại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do chị Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu do anh K đang sử dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị T2 có trả cho V1 tổng cộng gốc và lãi là 105.374.324đ (trong đó gốc 63.495.631đ, tiền lãi là 41.878.693đ) thì tôi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị T2 đồng ý trả nợ cho Công ty cổ phần M số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là: 658.337.226đ (Nợ gốc: 418.953.932đ. Nợ lãi: 239.383.294đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/4/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ.

Chị T2 đồng ý trả nợ cho V1 số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là: 73.148.581đ (Nợ gốc: 46.550.437đ. Nợ lãi: 26.598.144đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/4/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ

Trường hợp chị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị T2 đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để trả nợ. Tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do chị Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Minh K không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, chị Trần Thị Thanh T2, anh Nguyễn Minh K đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M yêu cầu chị Trần Thị Thanh T2 trả cho Công ty cổ phần M số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 669.860.205đ (Nợ gốc: 418.953.932đ. Nợ lãi: 250.906.273đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/5/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ và yêu cầu khởi kiện của V1 yêu cầu chị Trần Thị Thanh T2 thanh toán cho V1 số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 74.428.912đ (Nợ gốc: 46.550.437đ. Nợ lãi: 27.878.475đ), yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ

gốc kể từ ngày 12/5/2026 với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị T2 thanh toán xong nợ. Trường hợp chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty cổ phần M và V1 yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K để thu hồi nợ theo tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ là có cơ sở chấp nhận toàn bộ bởi lẽ:

- Theo hợp đồng cho vay số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 (BL39-41), mà V1 cung cấp cho Tòa án thể hiện chị T2 đã được V1 cho vay tổng số tiền 529.000.000đ. Trong hợp đồng cho vay các bên cũng đã thoả thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi suất trong hạn, thoả thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Theo Hợp đồng thế chấp số LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K (BL31-38) đã được đăng ký bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1469435474 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản TP . Hồ Chí Minh (BL 30) đúng theo quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do chị Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu.

Chị T2 thừa nhận có vay của V1 số tiền 529.000.000đ và đã trả cho V1 tổng cộng gốc và lãi là 105.374.324đ, còn nợ số tiền gốc và lãi theo lời trình bày của các nguyên đơn, chị T2 cũng đồng ý theo các yêu cầu khởi kiện của V1 và Công ty cổ phần M, đây là chứng cứ không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Minh K không có văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc: chị Trần Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 669.860.205đ (Nợ gốc: 418.953.932đ. Nợ lãi: 250.906.273đ) và trả cho V1 số tiền tính đến ngày 11/5/2026 là: 74.428.912đ (Nợ gốc: 46.550.437đ. Nợ lãi: 27.878.475đ); Chị T2 phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 12/5/2026 cho đến khi chị T2 thanh toán xong khoản nợ cho V1 và Công ty cổ phần M.

Trường hợp chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty cổ phần M và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp tài sản LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K, tài sản thế chấp là: xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do chị Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu.

[5] Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thanh T2 phải chịu 33.771.565đ (làm tròn 33.772.000đ) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 317, 318, 319, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M (Nay đổi tên Công ty cổ phần J).

- Buộc chị Trần Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M (Công ty cổ phần J) số tiền tính đến ngày 11/5/2026 gồm: nợ gốc 418.953.932đ; nợ lãi: 250.906.273đ, tổng cộng là 669.860.205đ (Sáu trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, hai trăm lẻ năm đồng) .

- Buộc chị Trần Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền tính đến ngày 11/5/2026 gồm: nợ gốc 46.550.437đ; nợ lãi: 27.878.475đ, tổng cộng là 74.428.912đ (Bảy mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm mười hai đồng).

- Buộc bà Trần Thị Thanh T2 phải tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn tính trên số nợ gốc mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 12/5/2026 cho đến khi chị T2 thanh toán xong khoản nợ cho V1 và Công ty cổ phần M (Công ty cổ phần J).

- Trường hợp chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty cổ phần M (Công ty cổ phần J) và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp tài sản LN2207086180144 ngày 12/08/2022 được ký giữa V1 và chị T2, anh Nguyễn Minh K, tài sản thế chấp là: xe ô tô hiệu VINFAST, số loại: Lux A 2.0. biển số: 64A-137.74, số khung: RPXABIRSFNV003664, số máy: 221820052VF20SED, do chị Trần Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thanh T2 phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật là 33.772.000đ (Ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.728.400đ (một triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001177 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M (Nay đổi tên Công ty cổ phần J) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.444.500đ (mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001176 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V, Công ty cổ phần M (Công ty cổ phần J), chị Trần Thị Thanh T2, anh Nguyễn Minh K được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- THA Dân sự tỉnh VL (Phòng THA khu vực 1-VL);
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú